

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ TAM ĐIỆP
TỈNH NINH BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2020/DS-ST.

Ngày: 05-8-2020

V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ TAM ĐIỆP, TỈNH NINH BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Quách Thành Trung

Các Hội thẩm nhân dân: 1. bà Trần Thị Hồng Hạnh,
2. ông Nguyễn Văn Đang

- Thư ký phiên tòa: bà Lê Thị Thu Linh - Thẩm tra viên Tòa án nhân dân thành phố Tam Điệp, tỉnh Ninh Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tam Điệp tham gia phiên tòa: bà Trịnh Thị Huệ - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 8 năm 2020 tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Tam Điệp, tỉnh Ninh Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 03/2020/TLST-DS ngày 16 tháng 3 năm 2020 về tranh chấp hợp đồng tín dụng theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 05/2020/QĐXX-ST ngày 16 tháng 7 năm 2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: NHNN

Địa chỉ: Số A, LH, quận BD, HN.

Người đại diện theo pháp luật: ông Tiết Văn T – Tổng giám đốc NHNN.

Người đại diện theo ủy quyền: bà Nguyễn Thị H, chức vụ: Giám đốc NHNN - Chi nhánh TĐ. (Theo Quyết định số 2965/QĐ-NHNo-PC ngày 27/12/2019 của Tổng giám đốc NHNN)

Người đại diện theo ủy quyền lại: ông Tống Minh T, chức vụ: Trưởng phòng Kế hoạch Kinh doanh - NHNN - Chi nhánh TĐ. (Giấy ủy quyền lại số 96/2020/GUQ-NHo.TĐ-TH ngày 11/6/2020 của Giám đốc NHNN - Chi nhánh TĐ) (có mặt)

2. Bị đơn:

- Anh Nguyễn Hồng T

Nơi cư trú: Số nhà B, ngõ C, đường VDT, tổ D, phường BS, thành phố TĐ, tỉnh NB. (có mặt)

- Chị Phạm Lan H

Nơi cư trú: Số nhà B, ngõ C, đường VDT, tổ D, phường BS, thành phố TĐ, tỉnh NB. (có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Trong đơn khởi kiện đề ngày 02 tháng 3 năm 2020, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền lại của nguyên đơn (NHNN) là ông Tổng Minh T trình bày:

Nguyên đơn có ký với bị đơn (vợ chồng anh Nguyễn Hồng T và chị Phạm Lan H) hợp đồng tín dụng số 3304/HĐTD/2017.04.01 ngày 11/04/2017, Giấy nhận nợ kiêm báo cáo đề xuất giải ngân số 01 ngày 11/4/2017, theo đó nguyên đơn cho bị đơn vay số tiền: 150.000.000 đồng (Một trăm năm mươi triệu đồng), mục đích vay: Sửa chữa, nâng cấp nhà ở; thời hạn vay: 36 tháng kể từ ngày 11/04/2017, định kỳ trả gốc và lãi cụ thể như sau: ngày 11/04/2018 trả: 30.000.000 đồng; ngày 11/04/2019 trả: 50.000.000 đồng; ngày 11/04/2020 trả: 70.000.000 đồng. Về lãi suất các bên thỏa thuận phương thức áp dụng lãi suất cho vay thỏa thuận có điều chỉnh tăng lãi suất cho vay tương ứng với sự biến động lãi suất trên thị trường và phù hợp với quy định của ngân hàng cấp trên, lãi suất trong hạn từ ngày 11/04/2017 đến ngày 13/09/2018 là 12,5%/năm, lãi suất quá hạn bằng 130% lãi trong hạn, kỳ trả lãi là 3 tháng 1 lần vào ngày 11. Khi đến kỳ hạn trả nợ, nếu bên vay không trả nợ đúng hạn gốc và/hoặc lãi và không được bên cho vay chấp thuận cho cơ cấu lại nợ thì số dư nợ gốc, lãi đến hạn chưa trả được của hợp đồng tín dụng phải chuyển sang nợ quá hạn, theo đó bên vay phải chịu lãi suất phạt quá hạn trên số nợ gốc quá hạn và lãi chậm trả trên số lãi quá hạn. Về quyền đòi nợ trước hạn, hợp đồng cũng có nội dung: Khi bên vay vi phạm nội dung đã thỏa thuận trong hợp đồng thì bên cho vay có quyền thu hồi khoản nợ vi phạm trước hạn, nếu không thu hồi được phần dư nợ gốc vi phạm và lãi tương ứng, khoản nợ gốc, lãi vi phạm phải chuyển sang nợ quá hạn, theo đó bên vay phải chịu lãi suất phạt quá hạn trên số nợ gốc quá hạn và lãi chậm trả trên số lãi quá hạn theo quy định của hợp đồng. Ngày 14 tháng 9 năm 2018, hai bên ký tiếp phụ lục hợp đồng tín dụng số 01/PLHĐ ngày 14/9/2018 với nội dung điều chỉnh lãi suất trong hạn kể từ ngày 14/09/2018 là 13,7%/năm.

Để bảo đảm nghĩa vụ trả nợ, hai bên thỏa thuận thực hiện việc thế chấp tài sản theo Hợp đồng thế chấp số 3304/HĐTC/2016.03.05 ngày 30/03/2016, theo đó nguyên đơn thế chấp Quyền sử dụng 247m² đất tại thửa đất số 143 tờ bản đồ 30, lập năm 2000, có địa chỉ tại tổ D, phường BS, thành phố TĐ, đã được UBND thị xã (nay là thành phố) TĐ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BP392655 ngày 29/07/2013, mang tên anh Nguyễn Hồng T và tài sản trên đất là nhà mái bằng và công trình xây dựng trên đất (phần giá trị tăng lên do sửa chữa,

thay thế bộ phận, nâng cấp bộ phận cũng thuộc tài sản thế chấp), nếu đến hạn thực hiện nghĩa vụ mà bên vay không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ thì bên cho vay có quyền xử lý tài sản bảo đảm để thu hồi nợ. Hợp đồng thế chấp được đăng ký giao dịch bảo đảm tại Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố Tam Điệp vào ngày 30/3/2016, hiện nay, tài sản thế chấp nêu trên không có liên quan đến người thứ ba. So với thời điểm ký hợp đồng thế chấp tài sản thì nhà ở không có coi nói, sửa chữa gì.

Việc thực hiện hợp đồng: ngày 11/04/2017, nguyên đơn đã giải ngân số tiền 150.000.000 đồng cho bị đơn. Đến ngày 13/4/2019 bị đơn đã trả được 30.000.000 đồng tiền gốc và trả 30.901.557 đồng tiền lãi trong hạn và quá hạn tính đến hết ngày 10/01/2019. Kể từ hạn trả nợ gốc, lãi là ngày 11/4/2019 đến nay, nguyên đơn đã nhiều lần yêu cầu trả nợ nhưng bị đơn không trả được bất cứ khoản tiền vay nào.

Do bị đơn vi phạm nghĩa vụ hợp đồng nên nguyên đơn yêu cầu Tòa án buộc bị đơn là anh Nguyễn Hồng T và chị Phạm Lan H phải liên đới trả cho nguyên đơn 149.450.121 đồng (một trăm bốn mươi chín triệu, bốn trăm năm mươi nghìn, một trăm hai mươi một đồng), trong đó: 120.000.000 đồng tiền gốc và 29.450.121 đồng tiền lãi tính đến ngày xét xử sơ thẩm. Kể từ sau ngày xét xử sơ thẩm bị đơn còn phải trả cho nguyên đơn các khoản tiền lãi phát sinh theo mức lãi suất đã thỏa thuận cho đến khi trả nợ xong.

Trường hợp bị đơn không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ cho nguyên đơn thì nguyên đơn có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án dân sự xử lý tài sản thế chấp theo quy định của pháp luật, bao gồm: Quyền sử dụng 247m² đất tại thửa đất số 143 tờ bản đồ 30, lập năm 2000, có địa chỉ tại tổ D, phường BS, thành phố TĐ, đã được UBND thị xã (nay là thành phố) TĐ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BP392655 ngày 29/07/2013, mang tên anh Nguyễn Hồng T và tài sản trên đất là nhà mái bằng (phần giá trị tăng lên do sửa chữa, thay thế bộ phận, nâng cấp bộ phận cũng thuộc tài sản thế chấp) theo Hợp đồng thế chấp số 3304/HĐTC/2016.03.05 ngày 30/03/2016.

* Bị đơn Nguyễn Hồng T tại bản tự khai và tại phiên tòa trình bày: Anh T và chị H trước đây trong thời gian còn quan hệ hôn nhân vợ chồng, có vay của NHNN - Chi nhánh thành phố TĐ số tiền 150.000.000 đồng với thời hạn vay và lãi suất vay như nguyên đơn trình bày là đúng, quá trình thực hiện hợp đồng bị đơn mới trả được 30.000.000 đồng tiền gốc và số tiền lãi 30.901.557 đồng tính đến ngày 10/01/2019 như đại diện của nguyên đơn trình bày là đúng. Anh Nguyễn Hồng T chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, nếu không thực hiện được nghĩa vụ trả nợ thì anh T đồng ý để nguyên đơn yêu cầu Cơ quan thi hành án xử lý tài sản bảo đảm như nguyên đơn trình bày. Ngoài ra, anh T không có yêu cầu nào khác.

* Bị đơn Phạm Lan H không có bản khai trong quá trình chuẩn bị xét xử, nhưng tại phiên tòa, chị H đồng ý với trình bày của nguyên đơn và anh Phạm

Hồng T. Chị H đồng ý trả nợ cho nguyên đơn, tuy nhiên về việc xử lý tài sản bảo đảm chị H đề nghị để cho Cơ quan thi hành án xử lý theo quy định của pháp luật. Ngoài ra chị H không có yêu cầu nào khác.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tam Điệp tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước khi mở phiên tòa. Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự tại phiên tòa. Các đương sự chấp hành các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ khoản 2 Điều 91, Điều 95, điểm a khoản 3 Điều 98 của Luật các Tổ chức tín dụng; khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 235; Điều 266; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 117, 280, 282, 288, 299, 317, 319, Điều 320, 323, 357, 463, 466, 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015; điểm g khoản 1 Điều 179 Luật Đất đai năm 2013; các Điều 27, 37 và 60 Luật Hôn nhân và Gia đình 2014; khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội,

Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn là anh Nguyễn Hồng T, chị Phạm Lan H phải liên đới trả cho nguyên đơn 149.450.121 đồng (một trăm bốn mươi chín triệu, bốn trăm năm mươi nghìn, một trăm hai mươi một đồng), trong đó: 120.000.000 đồng tiền gốc và 29.450.121 đồng tiền lãi tính đến ngày xét xử sơ thẩm. Kể từ sau ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi trả nợ xong, bị đơn còn phải trả cho nguyên đơn các khoản tiền lãi phát sinh theo mức lãi suất đã thỏa thuận trong hợp đồng.

Trường hợp bị đơn không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ đối với nguyên đơn thì nguyên đơn được quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp cho khoản vay của bị đơn để thu hồi nợ theo quy định của pháp luật, cụ thể tài sản sau: Quyền sử dụng 247m² đất tại thửa đất số 143 tờ bản đồ 30, lập năm 2000, có địa chỉ tại tổ D, phường BS, thành phố TĐ, đã được UBND thị xã (nay là thành phố) TĐ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BP392655 ngày 29/07/2013 và tài sản trên đất là nhà mái bằng (phần giá trị tăng lên do sửa chữa, thay thế bộ phận, nâng cấp bộ phận cũng thuộc tài sản thế chấp) theo Hợp đồng thế chấp số 3304/HĐTC/2016.03.05 ngày 30/03/2016.

Về án phí: Bị đơn phải nộp án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: NHNN khởi kiện tranh chấp hợp đồng

tín dụng đối với anh Nguyễn Hồng T, chị Phạm Lan H có đăng ký hộ khẩu thường trú tại: Số nhà B, ngõ C, đường VDT, tổ D, phường BS, thành phố TĐ, tỉnh NB. Bị đơn trong vụ án là anh Phạm Hồng T và chị Phạm Lan H là cá nhân, không có đăng ký kinh doanh, vay tiền với mục đích sửa chữa, nâng cấp nhà ở. Do vậy, căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án là tranh chấp về dân sự, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Tam Điệp.

[2] Về hiệu lực hợp đồng tín dụng và hợp đồng thế chấp tài sản:

Nội dung Hợp đồng tín dụng số 3304/HĐTD/2017.04.01 ngày 11/04/2017, Giấy nhận nợ kiêm báo cáo đề xuất giải ngân số 01 ngày 11/4/2017 và phụ lục hợp đồng tín dụng số 01/PLHĐ ngày 14/9/2018 với các nội dung về số tiền vay, lãi suất trong hạn, lãi suất quá hạn, việc điều chỉnh lãi suất, kỳ hạn trả nợ được các bên tham gia giao kết hoàn toàn tự nguyện, không bị ai lừa dối, ép buộc, phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 91, điểm a khoản 3 Điều 98 của Luật Tổ chức tín dụng. Đối với Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 3304/HĐTC/2016.03.05 ngày 30/03/2016, tại thời điểm giao kết nguyên đơn có đầy đủ tư cách pháp nhân. Chủ sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản trên đất (là bị đơn trong vụ án) đã đồng ý dùng tài sản của mình để bảo đảm nghĩa vụ thanh toán đối với nguyên đơn. Các bên tham gia giao kết hợp đồng hoàn toàn tự nguyện, không bị ai lừa dối, ép buộc. Các điều khoản thỏa thuận trong hợp đồng thế chấp không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội. Hợp đồng thế chấp được công chứng và đăng ký tài sản thế chấp theo quy định của pháp luật, phù hợp với quy định tại Điều 117, Điều 299, Điều 317, Điều 319, Điều 320, Điều 323 của Bộ luật Dân sự năm 2015. Do vậy, Hợp đồng tín dụng số 3304/HĐTD/2017.04.01 ngày 11/04/2017, Giấy nhận nợ kiêm báo cáo đề xuất giải ngân số 01 ngày 11/4/2017 và phụ lục hợp đồng tín dụng số 01/PLHĐ ngày 14/9/2018 và Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 3304/HĐTC/2016.03.05 ngày 30/03/2016 được giao kết giữa nguyên đơn và bị đơn có hiệu lực pháp luật, là căn cứ pháp lý phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa các bên tham gia giao kết hợp đồng.

[3] Về yêu cầu đòi nợ của nguyên đơn: Theo thỏa thuận tại Mục 6.1 Điều 6 Hợp đồng tín dụng số 3304/HĐTD/2017.04.01 ngày 11/04/2017, các đương sự đã thỏa thuận: *“Bên A có quyền chấm dứt việc cho vay, thu hồi nợ trước hạn hoặc khởi kiện theo quy định của pháp luật khi phát hiện bên B cung cấp thông tin sai sự thật, vi phạm hợp đồng tín dụng”*, tại phiên tòa bị đơn cũng đã thừa nhận trình bày của nguyên đơn là đúng và chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Do vậy nguyên đơn khởi kiện buộc bị đơn phải trả toàn bộ số tiền gốc chưa trả và số tiền lãi phát sinh tính đến ngày xét xử sơ thẩm là có căn cứ phù hợp với thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng số 3304/HĐTD/2017.04.01 ngày 11/04/2017, Giấy nhận nợ kiêm báo cáo đề xuất giải ngân số 01 ngày 11/4/2017 và Phụ lục hợp đồng tín dụng số 01/PLHĐ ngày 14/9/2018, cụ thể, các khoản sau:

- Nợ gốc: ngày 17/4/2018, nguyên đơn đã giải ngân số tiền 150.000.000 đồng, bị đơn đã thanh toán được số tiền gốc là 30.000.000 đồng, còn lại 120.000.000 đồng chưa trả.

- Nợ lãi: bị đơn đã thanh toán cho nguyên đơn số tiền lãi đến hết ngày 10/01/2019 là 30.891.140 đồng. Các khoản lãi phát sinh trên nợ gốc kể từ ngày 11/01/2019 đến ngày xét xử sơ thẩm, bao gồm:

+ Lãi trong hạn của số tiền gốc 120.000.000 đồng từ ngày 11/01/2019 đến hết ngày 10/4/2019 là $120.000.000 \text{ đồng} \times 13,7\%/365 \times 90 \text{ ngày} = 4.053.699$ đồng (bốn triệu không trăm năm mươi ba nghìn sáu trăm chín mươi chín đồng).

+ Số tiền lãi của số tiền 120.000.000 đồng từ ngày 11/04/2019 đến ngày 10/04/2020 (trong đó có 50.000.000 đồng tính theo lãi suất quá hạn, 70.000.000 đồng tính theo lãi suất trong hạn) được tính là $(70.000.000 \text{ đồng} \times 13,7\% / 365 \text{ ngày} \times 366 \text{ ngày}) + (50.000.000 \text{ đồng} \times 13,7\% / 365 \text{ ngày} \times 130\% \times 366 \text{ ngày}) = 18.545.671$ đồng (mười tám triệu, năm trăm bốn mươi lăm nghìn, sáu trăm bảy mươi một đồng).

+ Số tiền lãi của số tiền 120.000.000 đồng kể từ ngày 11/04/2020 đến hết ngày xét xử sơ thẩm, tính theo lãi suất quá hạn là $(120.000.000 \text{ đồng} \times 13,7\% / 365 \times 130\% \times 117 \text{ ngày}) = 6.850.751$ đồng (sáu triệu, tám trăm năm mươi nghìn, bảy trăm năm mươi một đồng).

Tổng cộng là 29.450.121 đồng

Căn cứ vào khoản 2 Điều 91, Điều 95, Điều 98 của Luật Các tổ chức tín dụng, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn Nguyễn Hồng T và Phạm Lan H phải liên đới phải trả cho nguyên đơn số tiền 149.450.121 đồng (một trăm bốn mươi chín triệu, bốn trăm năm mươi nghìn, một trăm hai mươi một đồng), trong đó:

- Tiền gốc là 120.000.000 đồng (một trăm hai mươi triệu đồng);

- Tiền lãi là 29.450.121 đồng (hai mươi chín triệu, bốn trăm năm mươi nghìn, một trăm hai mươi một đồng).

Kể từ ngày 06/8/2020 cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng số 3304/HĐTD/2017.04.01 ngày 11/04/2017 và phụ lục hợp đồng tín dụng số 01/PLHĐ ngày 14/9/2018, nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật.

Anh Nguyễn Hồng T và chị Phạm Lan H cùng xác lập việc vay tiền của nguyên đơn trong thời kỳ hôn nhân, nên anh Nguyễn Hồng T và chị Phạm Lan H phải liên đới trả nợ cho nguyên đơn theo quy định tại các Điều 27, 37, 60 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

[4] Về xử lý tài sản thế chấp: Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 3304/HĐTC/2016.03.05 ngày 30/03/2016 giữa nguyên

đơn và bị đơn có hiệu lực pháp luật. Theo các biên bản xác minh, thu thập tài liệu chứng cứ tại chính quyền địa phương, Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố Tam Điệp thì tài sản thế chấp nêu trên thuộc quyền sở hữu, sử dụng của bị đơn, không phải sở hữu, sử dụng của hộ gia đình, hiện nay còn nguyên vẹn, không thay đổi, biến động gì so với thời điểm thế chấp tài sản và không có bên thứ ba liên quan đến tài sản thế chấp.

Do vậy, trong trường hợp bị đơn không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ đối với nguyên đơn thì nguyên đơn có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp bảo đảm cho khoản vay của bị đơn để thu hồi nợ theo quy định của pháp luật, cụ thể tài sản sau: Quyền sử dụng 247m² đất tại thửa đất số 143 tờ bản đồ 30, lập năm 2000, có địa chỉ tại tổ D, phường BS, thành phố TĐ, đã được UBND thị xã (nay là thành phố) TĐ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BP392655 ngày 29/07/2013 và tài sản trên đất là căn nhà diện tích sử dụng 100m², diện tích xây dựng 115m² (phần giá trị tăng lên do sửa chữa, thay thế bộ phận, nâng cấp bộ phận cũng thuộc tài sản thế chấp) theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 3304/HĐTC/2016.03.05 ngày 30/03/2016.

[5] Về án phí:

Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên căn cứ Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, bị đơn phải nộp án phí dân sự sơ thẩm số tiền 7.472.506 đồng (149.450.121đồng x 5% = 7.472.506đồng)

Yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận toàn bộ do vậy hoàn trả cho nguyên đơn số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 3.550.000 đồng

Các đương sự trong vụ án có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 91, Điều 95, điểm a khoản 3 Điều 98 của Luật các Tổ chức tín dụng;

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 235; Điều 266; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 117, các Điều 280, 282, 288, 299, Điều 317, Điều 319, Điều 320, Điều 323, 357, 463, 466, 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ Điểm g khoản 1 Điều 179 Luật Đất đai năm 2013;

Căn cứ các Điều 27, 37, 60 Luật Hôn nhân và Gia đình 2014;

Căn cứ khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội,

Xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của NHNN đối với anh Nguyễn Hồng T và chị Phạm Lan H.

2. Buộc bị đơn anh Nguyễn Hồng T và chị Phạm Lan H phải liên đới trả cho NHNN số tiền gốc và lãi theo hợp đồng tín dụng số 3304/HĐTD/2017.04.01 ngày 11/04/2017, Giấy nhận nợ kiêm báo cáo đề xuất giải ngân số 01 ngày 11/4/2017 và phụ lục hợp đồng tín dụng số 01/PLHĐ ngày 14/9/2018 với tổng số tiền tính đến ngày 05/8/2020 là 149.450.121 đồng (một trăm bốn mươi chín triệu, bốn trăm năm mươi nghìn, một trăm hai mươi một đồng), trong đó:

- Tiền gốc là 120.000.000 đồng (một trăm hai mươi triệu đồng);

- Tiền lãi là 29.450.121 đồng (hai mươi chín triệu, bốn trăm năm mươi nghìn, một trăm hai mươi một đồng).

3. Kể từ ngày 06/8/2020 cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng số 3304/HĐTD/2017.04.01 ngày 11/04/2017, Giấy nhận nợ kiêm báo cáo đề xuất giải ngân số 01 ngày 11/4/2017 và phụ lục hợp đồng tín dụng số 01/PLHĐ ngày 14/9/2018, nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật.

4. Trường hợp anh Nguyễn Hồng T, chị Phạm Lan H không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ đối với NHNN thì NHNN có quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án dân sự xử lý tài sản thế chấp theo quy định của pháp luật là Quyền sử dụng 247m² đất tại thửa đất số 143 tờ bản đồ 30, lập năm 2000, có địa chỉ tại tổ D, phường BS, thành phố TĐ, đã được UBND thị xã (nay là thành phố) TĐ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BP392655 ngày 29/07/2013 và tài sản trên đất là căn nhà diện tích sử dụng 100m², diện tích xây dựng 115m² (phần giá trị tăng lên do sửa chữa, thay thế bộ phận, nâng cấp bộ phận cũng thuộc tài sản thế chấp) theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 3304/HĐTC/2016.03.05 ngày 30/03/2016.

5. Về án phí: Anh Nguyễn Hồng T, chị Phạm Lan H phải chịu số tiền án phí dân sự sơ thẩm là 7.472.506 đồng (bảy triệu, bốn trăm bảy mươi hai nghìn, năm trăm linh sáu đồng).

Hoàn trả lại NHNN số tiền tạm ứng án phí Dân sự sơ thẩm đã nộp là 3.550.000 đồng (ba triệu, năm trăm năm mươi nghìn đồng) theo biên lai thu số AA/2016/0001550 ngày 16 tháng 3 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Tam Điệp.

6. Về quyền kháng cáo: Anh Nguyễn Hồng T, chị Phạm Lan H, NHNN có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

7. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Bình;
- VKSND tỉnh Ninh Bình;
- VKSND TP Tam Điệp;
- Chi cục THADS TP. Tam Điệp;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SỞ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Quách Thành Trung